TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/20201
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Sử**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Dung**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 706/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lư Kim T**, sinh năm 1978
Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Bị đơn: Ông **Thái Phúc N**, sinh năm 1981
Địa chỉ liên lạc: 1KDC tổ 3A, tổ 3, khu vực 5, phường C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020 và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lư Kim T trình bày: Bà và ông Thái Phúc N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 15/01/2018. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng một năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do ông N lười lao động, thường xuyên tụ tập ăn chơi và có hành vi bạo hành bà nhiều lần. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông Thái Phúc N.

Về con chung: Có 01 con chung là Thái Gia H (nữ), sinh ngày 10/9/2018, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Thương hiệu Công ty TNHH K, địa chỉ KDC tổ 3, khu vực 5, phường A, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Người đại diện theo pháp luật là ông Thái Phúc N, khi thành lập chi phí mở công ty là 15.000.000 đồng, nếu ông N tiếp tục hoạt động thì phải hoàn lại cho bà T số tiền 7.500.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ngày 28/12/2020, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông N cấp dưỡng theo quy định pháp luật và rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2021 bị đơn - ông Thái Phúc N trình bày như bà Lư Kim T trình bày về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung.

Ông N xác định quá trình chung sống giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do không còn tình cảm nên thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Có 01 con chung là Thái Gia H (nữ), sinh ngày 10/9/2018, đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án nên vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà T và ông N xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lư Kim T và ông Thái Phúc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày

15/01/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn", bị đơn có địa chỉ tại quận Ninh Kiều nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lư Kim T và ông Thái Phúc N có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông N.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:*

Theo nguyên đơn trình bày do ông N lười lao động, thường xuyên tụ tập ăn chơi và có hành vi bạo hành bà nhiều lần dẫn đến đời sống vợ chồng không được hạnh phúc. Ông Thái Phúc N xác định trong cuộc sống giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và không còn tình cảm nên đồng ly hôn theo yêu cầu của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, bà T và ông N đều xác định cuộc sống hôn nhân giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 01 con chung là Thái Gia H (nữ), sinh ngày 10/9/2018 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng. Xét thấy, cháu H hiện nay còn dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc tiếp tục từ bà T, ông N cũng thống nhất giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, Vì vậy, việc giao cháu H con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, trong quá trình giải quyết ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của ông N phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Thái Phúc N theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung:* Việc rút lại yêu cầu chia tài sản chung của bà T là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung về việc yêu cầu

ông N phải hoàn lại chi phí mở công ty cho bà T số tiền là 7.500.000 đồng, nếu sau này có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về nợ chung*: Bà T và ông N đều xác định không có. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí*: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông N phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lư Kim T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lư Kim T được ly hôn với ông Thái Phúc N.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Thái Gia H (nữ), sinh ngày 10/9/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận việc ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Thái Phúc N không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung về việc yêu cầu ông N phải hoàn lại chi phí mở công ty cho bà T số tiền là 7.500.000 đồng. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của bà T và ông N là không có nợ chung. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lư Kim T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 003310 ngày 19/11/2020

của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều bà T được nhận lại 300.000 đồng. Ông Thái Phúc N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** *Nơi nhận:***
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- CCTHADS Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- UBND P. D, TP.S, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Sử